TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH GIA LAI

Bản án số: 02/2020/HS-ST
Ngày 06-02-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toản.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Liễu và Bà Tạ Thị Hài.

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Hải Biển – Thư ký Toà án, Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà*:** Bà Huỳnh Thị Liệu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2019/TLST –HS ngày 07 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Mộng Nghi, sinh năm 1984 tại huyện U , tỉnh Cà Mau; Nơi ĐKHKTT: Ấp Z, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Thôn X, xã G, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh Hoàng (đã chết) và bà Trần Thị Huệ; Nhân thân: tốt; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/6/2019 cho đến ngày 17/6/2019 chuyển sang tạm giam liên tục cho đến nay, hiện bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Nguyễn Thúy A, sinh ngày 25/11/2004.

Nơi ĐKHKTT: Ấp Z, xã K, huyện U M, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: C, đường V, xã Q, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thúy A: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp Z, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt.

+ Chị Lê Thị B (tên gọi khác là N), sinh năm 1994;

Nơi ĐKHKTT: Địa chỉ: Ấp Z, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: C, đường V, xã Q, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

+ Anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Buôn K, xã G, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn Đ, xã G, huyện K, tỉnh Gia Lai.

+ Ông Nguyễn Đăng H, sinh năm 1973; Có mặt.

Địa chỉ: Buôn Đ, xã G, huyện K, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 6/2019, Lê Mộng N là đối tượng nghiện ma tuý, có quen biết với 01 người đàn ông tên Đ có địa chỉ tại xã P, huyện I, tỉnh Gia Lai. N và Đ đã cùng sử dụng chung ma túy 02 lần tại quán cà phê Chồi lá ở buôn C, xã G, huyện K, tỉnh Gia Lai. Đến 04 giờ sáng ngày 08/6/2019, Đ đến quán đưa cho N 10 gói nilon bên trong có chứa các tinh thể màu trắng và 01 túi nilon bên trong có 5 viên nén màu xanh để cất giữ sử dụng chung.

Nhận được ma túy N bỏ vào túi xách da màu đen để trong phòng của con gái Nguyễn Thúy A. Đến 19 giờ 30 cùng ngày Công an huyện K phối hợp với Công an xã G kiểm tra hành chính phát hiện số ma túy trên. Cơ quan CSĐT Công an huyện K ra lệnh khám xét khẩn cấp và tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thúy A. Kết quả khám xét lập biên bản thu giữ 01 túi xách màu đen bên trong có chứa số ma túy trên cùng 13 tấm hình thẻ các loại (3x4) cm và (4x6) cm của Lê Mộng N, Nguyễn Thúy A và Lê Thị B; 01 hộ chiếu mang tên Lê Thị B; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Trần Thị H và số tiền 2.150.000 đồng. Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã tiến hành niêm phong và lập biên bản tạm giữ theo quy định.

Tại bản kết luận giám định số 432/KL-ĐG ngày 17/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận: Chất màu trắng, dạng tinh thể trong 10 gói ninon là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 7,6926 gam; 05 viên nén màu xanh không phát hiện chất ma tuý thường gặp.

Ngày 18/6/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện K ra Quyết định trưng cầu Phân viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng giám định lại 05 viên nén màu xanh. Tại bản kết luận giám định số 634/C090 (Đ4) ngày 25/6/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng xác định: 05 viên nén màu xanh đều không phải là ma túy.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về các kết luận giám định nêu trên.

Quá trình điều tra, bị cáo Lê Mộng N đã khai và miêu tả đặc điểm nhận dạng của đối tượng tên Đ, trú tại xã P, huyện I, tỉnh Gia Lai. Cơ quan CSĐT Công an

huyện K đã lập biên bản xác minh tại Công an xã P, Công an huyện I về đối tượng có đặc điểm như trên nhưng không xác định được nên không có cơ sở để xử lý.

Bị cáo Lê Mộng N khai nhận từ tháng 4 đến tháng 5 năm 2019, N có mua ma tuý của Nguyễn Văn T về để sử dụng. Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã lấy lời khai của T nhưng T không thừa nhận có bán ma tuý cho N, tiến hành đối chất giữa bị cáo N và T nhưng T vẫn không thừa nhận có hành vi bán ma tuý cho N, việc mua bán theo N khai không có nhân chứng, chứng cứ nào khác nên không có cơ sở để xử lý đối với Nguyễn Văn T.

Tại bản cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Lê Mộng N về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017(sau đây gọi tắt là BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lê Mộng N phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX):

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS: xử phạt bị cáo Lê Mộng N từ 05 đến 06 năm tù;

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy: Khối lượng ma túy sau giám định là 7,4339 gam chất màu trắng dạng tinh thể (loại Methamphetamine) được đựng trong 10 gói nilon và được đóng gói trong phong bì công văn Công an huyện K ký hiệu M1, Khối lượng 0,617 gam mẫu viên nén màu xanh còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì công văn số 634/C09C (Đ4) và 01 (một) túi xách da màu đen, kích thước dài 30cm, chỗ rộng nhất 35cm, chỗ ngắn nhất 25 cm, có 03 ngăn.

Đây là tang vật của vụ án là chất cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 2.150.000 đồng (Hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Đây là số tiền mà bị cáo N vay của chị Lê Thị B để đi khám bệnh không liên quan đến việc dùng mua bán hay tàng trữ ma túy cho nên cần trả lại cho bị cáo N.

Về hình phạt bổ sung thì do bị cáo N không có tài sản gì có giá trị nên đề nghị HĐXX không xử phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra còn buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định về hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm của bị cáo: Vào đầu tháng 6/2019, bị cáo Lê Mộng N có quen biết với 01 người đàn ông tên Đ. N và Đ đã cùng sử dụng chung ma túy 02 lần. Đến 04 giờ sáng ngày 08/6/2019, Đ đến quán cà phê Chồi lá ở buôn C, xã G, huyện K, tỉnh Gia Lai đưa cho N 10 gói nilon bên trong có chứa các tinh thể màu trắng và 01 túi nilon bên trong có 5 viên nén màu xanh để cất giữ sử dụng chung.Nhận được ma túy N bỏ vào túi xách da màu đen để trong phòng của con gái Nguyễn Thúy A. Đến 19 giờ 30 cùng ngày Công an huyện K phối hợp với Công an xã G kiểm tra hành chính phát hiện số ma túy trên. Cơ quan CSĐT Công an huyện K ra lệnh khám xét khẩn cấp và tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thúy A. Kết quả khám xét lập biên bản thu giữ 01 túi xách màu đen bên trong có chứa số ma túy trên.

Như vậy, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo N rõ ràng là có lỗi và sai trái với đường lối, chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước ta, nay phải chịu trách nhiệm hình sự và hậu quả pháp lý đã gây ra là có căn cứ pháp lý.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Lê Mộng N đã phạm vào tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo về hành vi theo tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở điểm g khoản 1 Điều 249 của BLHS là phù hợp.

[4] Về tính chất, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

[4.1] Về tính chất, vai trò: Bị cáo N là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ ma túy là chất bị cấm mua bán, tàng trữ nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi tàng trữ trái phép ma túy là nguy hiểm và gây hậu quả xấu cho xã hội làm mất an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Nay cần xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự của bị cáo để cá thể hóa hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo là điều cần thiết.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Lê Mộng N là người trực tiếp thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, vụ án không có đồng phạm khác nên bị cáo N phải chịu toàn bộ trách nhiệm hình sự trong vụ án này. Tuy nhiên, bị cáo không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS được áp dụng cho bị cáo.

[4.4] Về hình phạt: Căn cứ lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K và tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như tình hình thực tế trên địa bàn huyện K thì loại tội phạm tàng trữ trái phép chất ma túy có xu hướng gia tăng và diễn biến phức tạp. Nên thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc là cách ly bị cáo N ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài nhất định, để nhằm mục đích trừng trị nhưng cũng giúp cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đồng thời qua đó răn đe, phòng ngừa loại tội phạm này tái diễn trên địa bàn. Cho nên, cần chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Về vấn đề liên quan khác:

Quá trình điều tra, bị cáo Lê Mộng N đã khai và miêu tả đặc điểm nhận dạng của đối tượng tên Đ, trú tại xã P, huyện I, Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã lập biên bản xác minh tại Công an xã P, Công an huyện I về đối tượng có đặc điểm như trên nhưng không xác định được nên Cơ quan CSĐT Công an huyện K không có cơ sở để xử lý là phù hợp. Nay HĐXX không xem xét đến.

Bị cáo N khai nhận từ tháng 4 đến tháng 5 năm 2019, N có mua ma tuý của Nguyễn Văn T về để sử dụng. Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã lấy lời khai của T nhưng T không thừa nhận có bán ma tuý cho N, tiến hành đối chất giữa N và T nhưng T vẫn không thừa nhận có hành vi bán ma tuý cho N, việc mua bán theo N khai không có nhân chứng, chứng cứ nào khác nên Cơ quan CSĐT Công an huyện K không có cơ sở để xử lý đối với Nguyễn Văn T là phù hợp. Nay HĐXX không xem xét đến.

Đối với 05 viên nén màu xanh được thu giữ cùng với 7,6926 gam ma túy loại Methamphetamine trong túi xách của bị cáo N thì tại bản Kết luận giám định số 634/C090 (Đ4) ngày 25/6/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng xác định: 05 viên nén màu xanh đều không phải là ma túy. Do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện K không truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo N đối với 05 viên nén màu xanh này là phù hợp. Nay HĐXX không đề cập đến.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Khối lượng ma túy sau giám định là 7,4339 gam chất màu trắng dạng tinh thể loại Methamphetamine được đựng trong 10 gói nilon và được đóng gói trong phong bì công văn Công an huyện K ký hiệu M1. Phía sau phong bì có chữ ký của ông Tăng Xuân Đồng; ông Bùi Văn An; bà Huỳnh Thị Liệu và bà Lê Mộng N và được đóng dấu giáp lai của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai.

Khối lượng 0,617 gam mẫu viên nén màu xanh còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì công văn số 634/C09C (Đ4). Phía sau phong bì có chữ ký của ông Đỗ Văn Thắng và Phạm Phú Quảng và được đóng dấu giáp lai của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng.

01 (một) túi xách da màu đen, kích thước dài 30cm, chỗ rộng nhất 35cm, chỗ ngắn nhất 25 cm, có 03 ngăn.

Đây là tang vật của vụ án là chất cấm lưu hành và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 2.150.000 đồng (Hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Đây là số tiền mà bị cáo N vay của chị Lê Thị B để đi khám bệnh, không liên quan đến việc dùng mua ma túy cho nên cần trả lại cho bị cáo N.

Đặc điểm chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/11/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Đối với 13 tấm hình thẻ của bị cáo N, chị A, chị B; 01 hộ chiếu mang tên Lê Thị B; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Trần Thị H đã thu giữ. Đây là những giấy tờ không phải là vật chứng của vụ án nên đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện K trả lại cho bị cáo N, chị A, chị B và bà H xong là phù hợp. Nay HĐXX không đề cập đến nữa.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo N không có nghề nghiệp chính, thu nhập không ổn định. Bản thân không có tài sản riêng gì có giá trị cho nên HĐXX quyết định không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Mộng N phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS:

Xử phạt bị cáo Lê Mộng N 05 (Năm) năm tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 09/6/2019.

2. Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

- Tịch thu tiêu hủy:

Khối lượng ma túy sau giám định là 7,4339 gam chất màu trắng dạng tinh thể (loại Methamphetamine) được đựng trong 10 gói nilon và được đóng gói trong phong bì công văn Công an huyện K ký hiệu M1. Phía sau phong bì có chữ ký của ông Tăng Xuân Đồng; ông Bùi Văn An; bà Huỳnh Thị Liệu và bà Lê Mộng N và được đóng dấu giáp lai của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai.

Khối lượng 0,617 gam mẫu viên nén màu xanh còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì công văn số 634/C09C (Đ4). Phía sau phong bì có chữ ký của ông Đỗ Văn Thắng và Phạm Phú Quảng và được đóng dấu giáp lai của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng.

01 (một) túi xách da màu đen, kích thước dài 30cm, chỗ rộng nhất 35cm, chỗ ngắn nhất 25 cm, có 03 ngăn.

- Trả lại cho bị cáo Lê Mộng N Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 2.150.000 đồng (Hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đặc điểm chi tiết các vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/11/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện K và Chi cục THADS huyện K.

3. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Lê Mộng N phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/02/2020), để yêu cầu Toà án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND h. K (02 bản);
- Công an h. K (03 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Chi cục THADS h. K (01 bản)
- Lưu HS vụ án, THA hình sự (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đỗ Khắc Toản